

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Đắk Glong, ngày tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2024
và xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025

Kính gửi:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện Đắk Glong

Căn cứ Quy chế làm việc số 10-QC/HU ngày 17/6/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đắk Glong, khóa XII, nhiệm kỳ 2020-2025.

Thực hiện Thông báo số 20/TB-HĐND ngày 28/10/2024 của HĐND huyện Đắk Glong, Kết luận tại Hội nghị liên tịch chuẩn bị nội dung, chương trình thời gian tổ chức kỳ họp thứ 9, Hội đồng nhân dân huyện khóa IV, nhiệm kỳ 2021-2026.

Sau khi rà soát, tổng hợp Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong báo cáo tình hình thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 và xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, cụ thể như sau:

A. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024.

I. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024

Tổng số vốn đầu tư phát triển trên địa bàn huyện năm 2024 là **482.585 triệu đồng**, trong đó: Kế hoạch vốn năm 2024 là 298.559 triệu đồng; Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024 sử dụng tiếp là 184.026 triệu đồng, cụ thể:

- Nguồn ngân sách Trung ương là: 56.000 triệu đồng.
- Ngân sách tỉnh là: 20.149 triệu đồng.
- Ngân sách phân cấp huyện quản lý là: 406.436 triệu đồng (*Kế hoạch vốn năm 2024 là 222.410 triệu đồng; Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024 sử dụng tiếp là 184.026 triệu đồng*)

II. Công tác chỉ đạo, điều hành Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024

- Ủy ban nhân dân huyện trình HĐND huyện và được thông qua các Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Glong, về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2024; Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 26/12/2023 của HĐND huyện Đắk Glong, về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Đắk Glong. Giao chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 tại Quyết định số

3237/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND huyện Đắk Glong; Quyết định số 3299/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Đắk Glong, đảm bảo đúng theo quy định. Trong năm 2024, sau khi được UBND tỉnh bổ sung các nguồn vốn, UBND huyện đã kịp thời tham mưu các thủ tục, giao chi tiết vốn cho các công trình, dự án. Đồng thời ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 31/01/2024 của UBND huyện, phát triển kinh tế xã hội và đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân đầu tư công trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2024; Chỉ đạo thực hiện và tăng cường quản lý kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 (tại Công văn số 4058/UBND-TCKH ngày 26/12/2023).

- Ngay từ đầu năm, xác định nhiệm vụ đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân nguồn vốn đầu tư công, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên của các cấp, các ngành trong năm 2024, UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản đôn đốc, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công năm 2024, đôn đốc công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, tăng cường quản lý tạm ứng vốn đầu tư công (Công văn số 328/UBND-TCKH ngày 24/01/2024; Công văn số 1246/UBND-TCKH ngày 16/4/2024; Công văn số 1265/UBND-TCKH ngày 17/4/2024; Công văn số 1517/UBND-TCKH ngày 07/5/2024; Công văn số 2604/UBND-VP ngày 04/7/2024; Công văn số 3229/UBND-TCKH ngày 13/8/2024; Công văn số 3890/UBND-TCKH ngày 16/9/2024; Công văn số 3892/UBND-TCKH ngày 16/9/2024; Công văn số 4398/UBND-TCKH ngày 14/10/2024; Công văn số 4540/UBND-TCKH ngày 23/10/2024; Công văn số 4852/UBND-TCKH ngày 11/11/2024; Công văn số 4866/UBND-TCKH ngày 11/11/2024; Công văn số 5019/UBND-TCKH ngày 18/11/2024; Công văn số 5097/UBND-TCKH ngày 21/11/2024; Công văn số 183/TCKH ngày 27/11/2024 của phòng Tài chính – Kế hoạch). Ngoài ra, UBND huyện thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các Chủ đầu tư tại các cuộc họp và các buổi đi làm việc thực tế tại các đơn vị và UBND các xã, các Chủ đầu tư.

III. Kết quả giải ngân Kế hoạch vốn năm 2024 (Chi tiết như Phụ lục đính kèm).

1. Kết quả giải ngân đến ngày 27/11/2024

Tổng số vốn đầu tư phát triển trên địa bàn huyện năm 2024 là **482.585** triệu đồng, giải ngân đến 27/11/2024 được **179.914** triệu đồng, đạt 37,28% kế hoạch vốn giao, trong đó: Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024 thực hiện tiếp là 184.026 triệu đồng, đã giải ngân được 43.510 triệu đồng; kế hoạch vốn năm 2024 là 298.559 triệu đồng, đã giải ngân được 136.403 triệu đồng, cụ thể như sau:

1.1. Ngân sách tỉnh quản lý: Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 76.149 triệu đồng, giải ngân được 43.968 triệu đồng, đạt 57,74% kế hoạch vốn giao, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 56.000 triệu đồng, giải ngân là 28.334 triệu đồng, đạt 50,60% kế hoạch vốn giao.

- Ngân sách tỉnh: Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 20.149 triệu đồng, giải ngân là 15.633 triệu đồng, đã đạt 77,59% kế hoạch vốn giao.

1.2. Ngân sách phân cấp huyện quản lý: Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 406.436 triệu đồng, giải ngân được 135.945 triệu đồng, đạt 34,45% kế hoạch vốn giao, trong đó:

- Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024 thực hiện tiếp là 184.026 triệu đồng, đã giải ngân được 43.510 triệu đồng, mới đạt 29,08% kế hoạch.

- Kế hoạch vốn năm 2024 là 222.410 triệu đồng, đã giải ngân được 92.434 triệu đồng, đạt 41,56% kế hoạch.

2. Ước kết quả thực hiện, giải ngân đến hết năm 2024

Tổng số vốn đầu tư phát triển trên địa bàn huyện năm 2024 là **482.585** triệu đồng, ước giải ngân đến hết năm 2024 được **329.366** triệu đồng, đạt 68,25% kế hoạch vốn giao, cụ thể như sau:

1.1. Ngân sách tỉnh quản lý: Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 76.149 triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 56.000 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 20.149 triệu đồng, ước giải ngân đến hết năm 2024 đạt 100% kế hoạch vốn giao,

1.2. Ngân sách phân cấp huyện quản lý: Tổng kế hoạch vốn giao trong năm 2024 là 406.436 triệu đồng, ước giải ngân đến hết năm 2024 được 253.217 triệu đồng, đạt 62,30% kế hoạch vốn giao, trong đó:

- Nguồn vốn Xây dựng cơ bản tập trung: Tổng kế hoạch giao là 11.900 triệu đồng, ước giải ngân đến hết năm 2024 đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Nguồn vốn Tiền sử dụng đất: Tổng kế hoạch giao là 6.636 triệu đồng, ước giải ngân đến hết năm 2024 đạt 100% kế hoạch vốn giao.

- Nguồn vốn thuộc 03 Chương trình MTQG (bao gồm: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ, ngân sách huyện đối ứng): Tổng kế hoạch giao là 385.900 triệu đồng, ước giải ngân đến hết năm 2024 được 232.681 triệu đồng, đạt 60,30% kế hoạch vốn giao.

3. Tiến độ thực hiện một số dự án trọng điểm, có tổng mức đầu tư cao

(1) Dự án: Các trục đường khu trung tâm văn hóa thương mại huyện Đắk Glong: Tổng mức đầu tư là 95.000 triệu đồng, lũy kế giải ngân đến hết năm 2023 là 40.000 triệu đồng. Kế hoạch vốn năm 2024 là 28.000 triệu đồng, đến nay tiến độ thực hiện giải ngân được 14.008 triệu đồng, đạt 50,03% kế hoạch vốn giao. Đến nay tỷ lệ giải ngân thấp là do nguồn vốn ngân sách Trung ương mới được UBND tỉnh bổ sung tại Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 06/11/2024, đến nay Chủ đầu tư đang triển khai, dự kiến giải ngân hết số vốn được giao.

(2) Dự án: Đường giao thông liên xã Đắk Plao - Đắk R'Măng - Đắk Som: Tổng mức đầu tư 110.000 triệu đồng, lũy kế giải ngân đến hết năm 2023 là 33.300 triệu đồng. Kế hoạch vốn năm 2024 là 28.000 triệu đồng, đã giải ngân được 14.326 triệu đồng, đạt 39,79% kế hoạch, số vốn còn lại để tiếp tục chi trả bồi thường giải

phóng mặt bằng và thanh toán cho các đơn vị, đến nay Chủ đầu tư đang triển khai, dự kiến giải ngân hết số vốn được giao.

(3) Dự án: Đường giao thông liên xã Quảng Khê (Thôn 7) - Đăk Plao: Tổng mức đầu tư là 60.000 triệu đồng. Kế hoạch vốn năm 2024 là 41.036 triệu đồng, mới giải ngân được 8.596 triệu đồng, đạt 20,95% kế hoạch vốn giao, ước giải ngân đến hết năm 2024 đạt 48.74% kế hoạch vốn giao (*tỷ lệ giải ngân thấp trách nhiệm chủ yếu thuộc Chủ đầu tư*). Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất là Chủ đầu tư có đề xuất điều chỉnh hướng tuyến để tránh một số hồ dân chưa đồng ý, tuy nhiên UBND huyện đã chỉ đạo Chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị liên quan làm việc với các hộ dân để thực hiện công trình theo đúng hướng tuyến được thể hiện trong quy hoạch tỉnh (*Thông báo số 39/TB-VP ngày 16/9/2024 của Văn phòng HĐND và UBND huyện, Kết luận chỉ đạo của đồng chí Trần Nam Thuận – Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp giao ban lãnh đạo UBND huyện ngày 16/9/2024*)

(4) Dự án 2 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*tại xã Quảng Sơn, xã Quảng Hòa, xã Đăk R'Măng*): Tổng mức đầu tư là 187.000 triệu đồng. Kế hoạch vốn năm 2024 là 133.737 triệu đồng, đến nay đã được điều chỉnh sang dự án 4 là 18.000 triệu đồng, số vốn còn lại 115.737 triệu đồng, mới giải ngân được 2.502 triệu đồng, ước giải ngân đến hết năm 2024 đạt 24,19% kế hoạch vốn giao (*tỷ lệ giải ngân thấp trách nhiệm chủ yếu thuộc Chủ đầu tư*), cụ thể các dự án:

+ Đối với dự án triển khai tại xã Đăk R'Măng, Chủ đầu tư đang tiến hành lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình, dự kiến khởi công trong năm 2024.

+ Đối với dự án triển khai tại xã Quảng Hòa, Chủ đầu tư đang tiến hành điều chỉnh dự án.

+ Đối với dự án triển khai tại xã Quảng Sơn, Chủ đầu tư mới đề xuất và mới được HĐND huyện thống nhất cho chuyển sang dự án 4, 03 công trình với tổng mức đầu tư là 23.500 triệu đồng, đến nay đang tiến hành lập hồ sơ thiết kế.

(5) Dự án: Nâng cấp hạng mục vỉa hè, điện chiếu sáng tuyến đường xã Quảng Khê nối Quốc lộ 28 đi xã Đăk Som (Đoạn qua xã Quảng Khê). Tổng mức đầu tư là 14.492 triệu đồng. Kế hoạch vốn năm 2024 là 14.097 triệu đồng, mới giải ngân được 4.737 triệu đồng, đạt 33,61% kế hoạch vốn giao, Chủ đầu tư đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện thi công, giải ngân theo quy định.

IV. Kết quả đạt được, tồn tại hạn chế và đề xuất, kiến nghị

1. Kết quả đạt được

- Ủy ban nhân dân huyện đã chủ động sớm thực hiện phân khai chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 ngay từ cuối năm 2023 (*Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 27/12/2023; Quyết định số 3299/QĐ-UBND ngày 29/12/2023...*), từ đó tạo sự chủ động cho các cơ quan, đơn vị, các Chủ đầu tư có kế hoạch thực hiện nhanh, hiệu quả.

- Kế hoạch vốn được giao tập trung cho các công trình, dự án (các công trình đã quyết toán bố trí đủ 100%; các công trình chuyển tiếp bố trí trên 80%; công trình khởi công mới bố trí trên 50%), tạo điều kiện tối đa cho Chủ đầu tư, nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Ủy ban nhân dân huyện xác định việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ quan trọng, trọng tâm của năm, vì vậy đã sớm ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện và tăng cường quản lý kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2024, trong đó giao cụ thể các thời gian thực hiện tại Công văn số 4058/UBND-TCKH ngày 26/12/2023; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 31/01/2024 của UBND huyện, phát triển kinh tế xã hội và đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân đầu tư công trên địa bàn huyện Đắk Glong năm 2024. Thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và UBND các xã khẩn trương triển khai thực hiện (Công văn số 328/UBND-TCKH ngày 24/01/2024; Công văn số 1246/UBND-TCKH ngày 16/4/2024; Công văn số 1265/UBND-TCKH ngày 17/4/2024; Công văn số 1517/UBND-TCKH ngày 07/5/2024; Công văn số 2604/UBND-VP ngày 04/7/2024; Công văn số 3229/UBND-TCKH ngày 13/8/2024; Công văn số 3890/UBND-TCKH ngày 16/9/2024; Công văn số 3892/UBND-TCKH ngày 16/9/2024; Công văn số 4398/UBND-TCKH ngày 14/10/2024; Công văn số 4540/UBND-TCKH ngày 23/10/2024; Công văn số 4852/UBND-TCKH ngày 11/11/2024; Công văn số 4866/UBND-TCKH ngày 11/11/2024; Công văn số 5019/UBND-TCKH ngày 18/11/2024; Công văn số 5097/UBND-TCKH ngày 21/11/2024; Công văn số 183/TCKH ngày 27/11/2024 của phòng Tài chính – Kế hoạch). Ngoài ra, UBND huyện thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các Chủ đầu tư tại các cuộc họp và các buổi đi làm việc thực tế tại các đơn vị và UBND các xã, các Chủ đầu tư.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương quản lý mới được UBND tỉnh giao bổ sung tại Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 06/11/2024; Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 14/11/2024, đến nay Chủ đầu tư đang thực hiện, nghiệm thu thanh toán, nên tỷ lệ giải ngân còn thấp.

- Đến nay một số dự án chưa đủ điều kiện để giao chi tiết kế hoạch vốn như: Đầu tư cơ sở hạ tầng vùng trồng dược liệu quý; một số dự án không thực hiện được do vướng mặt bằng thi công nên phải đề xuất điều chỉnh sang thực hiện các công trình khác (Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 06/11/2024 của HĐND huyện, về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG trên địa bàn huyện Đắk Glong).

- Công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB còn gặp nhiều khó khăn, việc triển khai thực hiện các bước để lập Phương án hỗ trợ GPMB còn chậm, một số bộ phận người dân chưa đồng thuận, nên ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thực hiện, giải ngân, dẫn đến phải thực hiện điều chỉnh sang các dự án khác (Trường PTDT bán trú

trung học cơ sở Đắc R'Măng, xã Đắc R'Măng; Hạng mục: Nhà lớp học kết hợp phòng bộ môn 12 phòng (3 tầng), nhà đa năng, thiết bị và hạ tầng kỹ thuật; Nhà văn hóa xã Quảng Sơn; Hạng mục Nhà văn hóa - Hạ tầng kỹ thuật; Trường mẫu giáo Quảng Hòa, xã Quảng Hòa; Hạng mục: Nhà lớp học 08 phòng (2 tầng), thiết bị, hạ tầng kỹ thuật...)

- Các công trình xây dựng đường giao thông và các công trình có khối lượng đào, đắp nhiều, việc xác định mỏ đất, bãi thải đang gặp nhiều khó khăn. Hiện nay các xã có các mỏ đất đã đưa vào quy hoạch tỉnh nhưng chưa được cấp phép nên chưa đủ căn cứ pháp lý để thực hiện.

- Đối với nguồn vốn Ngân sách huyện giải ngân còn thấp là vì:

+ Nguồn vốn Ngân sách huyện chủ yếu tập trung sử dụng để đối ứng cho các công trình thuộc 03 Chương trình MTQG, đến nay các Chủ đầu tư đang ưu tiên giải ngân nguồn vốn Ngân sách Trung ương.

+ Một số dự án chưa hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, do công trình phải thực bồi thường, hỗ trợ GPMB, trong khi đó vị trí dự kiến thực hiện công trình nằm trong ranh quy hoạch tại Quyết định 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ, nên trước khi thực hiện phải xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường như: Điều chỉnh mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Quảng Khê, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắc Nông đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050; BTGPMB Bãi rác xã Quảng Khê; Trụ sở Công an xã Đắc Ha; Trụ sở Công an xã Đắc Som.

+ Đến nay thu tiền sử dụng đất còn chậm, mới được hơn 9.500/17.000 triệu đồng. Vì vậy UBND huyện dự kiến đề xuất trình HĐND huyện cắt giảm xuống còn 10.000 triệu đồng.

+ Đối với các công trình th dự án 4, Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi mới được bổ sung vốn từ Dự án 2 tại xã Quảng Sơn, nên các Chủ đầu tư đang khẩn trương thực hiện, hoàn thiện hồ sơ thanh toán, dự kiến thanh toán trong năm 2024.

V. Phương hướng, nhiệm vụ các tháng cuối năm 2024.

1. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các công trình, dự án theo quy định, đặc biệt là các công trình thanh toán nợ, các công trình thuộc 3 Chương trình MTQG.

2. Tăng cường thu ngân sách, đặc biệt nguồn thu từ tiền sử dụng đất, chỉ đạo các cơ quan.

3. Hoàn thiện, xây dựng dự thảo Nghị quyết kế hoạch vốn và danh mục công trình năm 2025.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát tiến độ thi công, chất lượng công trình, thực hiện kiểm tra – nghiệm thu theo đúng quy định; Quản lý đầu tư xây dựng - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

5. Đối với các dự án có vốn chuyển nhiệm vụ chi năm 2023 sang năm 2024, yêu cầu các Chủ đầu tư tập trung giải ngân hết nguồn vốn trong năm 2024, tuyệt

đôi không để kết dư ngân sách, lãng phí nguồn vốn. Trường hợp để kết dư ngân sách phải chịu trách nhiệm trước UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện theo quy định của pháp luật.

6. Đối với các công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng: Khẩn trương lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo đúng thời gian quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

7. Rà soát, tổng hợp các công trình dự án còn thiếu vốn đến 31/12/2024, trong kế hoạch vốn năm 2025: Ưu tiên thanh toán nợ (*đối với dự án nhóm C không quá 3 năm*) đối với các công trình đã được phê duyệt quyết toán bố trí đủ vốn để tắt toán; đối ứng các công trình từ ngân sách tỉnh; bố trí bồi thường giải phóng mặt bằng; bố trí đối ứng cho các Chương trình MTQG; còn lại mới bố trí khởi công mới năm 2025.

8. Đẩy nhanh công tác hỗ trợ, bồi thường, GPMB trên địa bàn huyện, tạo quỹ đất sạch cho các dự án.

9. Tiếp tục kiến nghị UBND tỉnh:

- UBND tỉnh sớm chỉ đạo các Sở, ngành khẩn trương thực hiện Quy hoạch các mỏ đất, bãi thải để các công trình, dự án có thể triển khai thực hiện.

- UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành xem xét, đánh giá khả năng thực hiện khai thác các mỏ Bauxit trên địa bàn huyện Đắk Glong trong tương lai để tháo gỡ những vướng mắc liên quan đến ranh quy hoạch Bauxit.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

1. Nguyên tắc dự kiến bố trí vốn đầu tư công năm 2025

- Ưu tiên bố trí thanh toán trả nợ, bố trí cho các công trình đã quyết toán, các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng, các công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2025.

- Bố trí đủ vốn để hoàn trả cho các nhiệm vụ đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được phê duyệt.

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

2. Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2025 phân cấp cho UBND huyện quản lý là: **152.860 triệu đồng** (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi hai tỷ, tám trăm sáu mươi triệu đồng*), bao gồm các nguồn vốn cụ thể như sau:

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương là: 18.584 triệu đồng.
- Nguồn vốn từ nguồn thu Tiền sử dụng đất là: 18.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn 03 Chương trình MTQG (ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ đối ứng) là: 116.276 triệu đồng.

3. Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước năm 2025, được bố trí chi tiết cho các công trình, dự án tại các **Phụ lục kèm theo**.

Trên đây là báo cáo thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 và xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, Ủy ban nhân dân huyện kính đề nghị Thường trực Huyện ủy; Thường trực HĐND huyện; Hội đồng nhân dân huyện xem xét, cho ý kiến chỉ đạo để UBND huyện có cơ sở thực hiện (có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (c/đ);
- Ủy Ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các phòng, ban trực thuộc;
- UBND các xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Nam Thuận

PHỤ LỤC
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong)

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công năm 2024						Giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2024 đến ngày 27/11/2024						Ước giải ngân đến hết năm 2024	Tỷ lệ giải ngân đến 27/11/2024 %	Ước giải ngân hết năm 2024	Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trung đó				Tổng số	Trung đó											
						Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024	Trung đó		Kế hoạch vốn giao trong năm 2024		Trung đó		Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang	Trung đó		Kế hoạch vốn giao trong năm 2024					Trung đó	
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách DP		Ngân sách Trung ương	Ngân sách DP	Ngân sách Trung ương		Ngân sách DP	Ngân sách Trung ương						Ngân sách DP	
1	2	3	6	7	11+12+15	12+13+14	13	14	15+16+17	16	17	18+19+22	19+20+21	20	21	22+23+24	23	24	25	25+18/11	26+25/11	27
	TỔNG CỘNG			1.096.930.108.000	482.585.662.202	184.026.662.202	171.825.419.681	12.201.342.521	298.559.000.000	224.508.000.000	74.051.000.000	179.914.245.290	43.510.813.150	40.284.829.903	3.225.983.247	136.403.432.140	99.342.556.963	37.060.875.177	329.366.702.802	37,28	68,25	
A	NGUỒN VỐN TỈNH QUẢN LÝ			303.181.000.000	76.149.000.000	-	-	-	76.149.000.000	56.000.000.000	20.149.000.000	43.968.598.409	-	-	-	43.968.598.409	28.334.633.409	15.633.965.000	76.149.000.000	57,74	100,00	
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			205.000.000.000	56.000.000.000	-	-	-	56.000.000.000	56.000.000.000	-	28.334.633.409	-	-	-	28.334.633.409	28.334.633.409	-	56.000.000.000	50,60	100,00	
1	Các trục đường khu trung tâm văn hóa thương mại huyện Đắk Glong	Ban QLDA và PTQD	1894/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	95.000.000.000	28.000.000.000	-	-	-	28.000.000.000	28.000.000.000	-	14.008.633.409	-	-	-	14.008.633.409	14.008.633.409	-	28.000.000.000	50,03	100,00	
2	Đường giao thông liên xã Đắk Pao - Đắk R'Măng - Đắk Sơn	Ban QLDA và PTQD	2229/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	110.000.000.000	28.000.000.000	-	-	-	28.000.000.000	28.000.000.000	-	-	-	-	-	14.326.000.000	14.326.000.000	-	28.000.000.000	51,16	100,00	
II	NGÂN SÁCH TỈNH			98.181.000.000	20.149.000.000	-	-	-	20.149.000.000	-	20.149.000.000	15.633.965.000	-	-	-	15.633.965.000	-	15.633.965.000	20.149.000.000	77,59	100,00	
a	Các công trình chuyển tiếp			98.181.000.000	20.149.000.000	-	-	-	20.149.000.000	-	20.149.000.000	15.633.965.000	-	-	-	15.633.965.000	-	15.633.965.000	20.149.000.000	77,59	100,00	
1	Đường giao thông từ Quốc lộ 28 nối với đường liên xã Quảng Khê - Đắk Hà	Ban QLDA và PTQD	2642/QĐ-SQT/VT ngày 08/12/2020	14.181.000.000	1.183.000.000	-	-	-	1.183.000.000	-	1.183.000.000	1.183.000.000	-	-	-	1.183.000.000	-	1.183.000.000	1.183.000.000	100,00	100,00	
2	Trường Trung học phổ thông Đắk Glong (Giai đoạn 3) hạng mục: 08 phòng học bộ môn cùng trang thiết bị kèm theo, khu thể dục thể chất và hệ thống tưới rửa xung quanh	Ban QLDA và PTQD	311/QĐ-SXD ngày 14/12/2020	10.000.000.000	1.500.000.000	-	-	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.047.039.000	-	-	-	1.047.039.000	-	1.047.039.000	1.500.000.000	69,80	100,00	
3	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Sơn	Ban QLDA và PTQD	325/QĐ-SXD ngày 10/12/2020	14.500.000.000	2.815.000.000	-	-	-	2.815.000.000	-	2.815.000.000	2.614.963.000	-	-	-	2.614.963.000	-	2.614.963.000	2.815.000.000	92,89	100,00	
4	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Hà	Ban QLDA và PTQD	299/QĐ-SXD ngày 27/11/2020	14.500.000.000	2.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	2.000.000.000	50,00	100,00	
5	Đường nối dài từ thôn 10 xã Quảng Hòa đi Quảng Sơn	Ban QLDA và PTQD	2700/QĐ-SQT/VT ngày 11/12/2020	14.000.000.000	2.200.000.000	-	-	-	2.200.000.000	-	2.200.000.000	2.200.000.000	-	-	-	2.200.000.000	-	2.200.000.000	2.200.000.000	100,00	100,00	
6	Nhà văn hóa đường giao thông liên xã Đắk R'Măng - Quảng Hòa (tỷ trình KM+00-Km13+184)	Ban QLDA và PTQD	2180/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	25.000.000.000	10.366.000.000	-	-	-	10.366.000.000	-	10.366.000.000	7.503.963.000	-	-	-	7.503.963.000	-	7.503.963.000	10.366.000.000	72,39	100,00	
7	Điểm dừng chân Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông	Ban QLDA và PTQD	2236/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	6.000.000.000	85.000.000	-	-	-	85.000.000	-	85.000.000	85.000.000	-	-	-	85.000.000	-	85.000.000	85.000.000	100,00	100,00	
B	VỐN PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ			793.739.108.000	406.436.662.202	184.026.662.202	171.825.419.681	12.201.342.521	222.410.000.000	168.508.000.000	53.902.000.000	135.945.646.881	43.510.813.150	40.284.829.903	3.225.983.247	92.434.833.731	71.007.923.554	21.426.910.177	253.217.702.802	33,45	62,30	
I	NGUỒN VỐN XDCB TẬP TRUNG			56.301.349.000	11.900.000.000	-	-	-	11.900.000.000	-	11.900.000.000	7.471.454.461	-	-	-	7.471.454.461	-	7.471.454.461	11.900.000.000	62,79	100,00	
a	Công trình, dự án chuyển tiếp			845.991.000	400.000.000	-	-	-	400.000.000	-	400.000.000	31.285.000	-	-	-	31.285.000	-	31.285.000	400.000.000	7,82	100,00	
1	Lập Quy hoạch chung xây dựng xã Đắk R'Măng đến năm 2035	UBND xã Đắk R'Măng	2388/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	437.512.000	200.000.000	-	-	-	200.000.000	-	200.000.000	-	-	-	-	-	-	-	200.000.000	-	100,00	
2	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Hòa đến năm 2035	UBND xã Quảng Hòa	2389/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	408.479.000	200.000.000	-	-	-	200.000.000	-	200.000.000	31.285.000	-	-	-	31.285.000	-	31.285.000	200.000.000	15,64	100,00	
b	Công trình, dự án khởi công mới			55.455.358.000	11.500.000.000	-	-	-	11.500.000.000	-	11.500.000.000	7.440.169.461	-	-	-	7.440.169.461	-	7.440.169.461	11.500.000.000	64,70	100,00	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông	Ban QLDA & PTQD		4.000.000.000	600.000.000	-	-	-	600.000.000	-	600.000.000	-	-	-	-	-	-	-	600.000.000	-	100,00	
2	Nâng cấp, sửa chữa Quảng trường trung tâm huyện Đắk Glong	Ban QLDA & PTQD		4.000.000.000	627.242.439	-	-	-	627.242.439	-	627.242.439	-	-	-	-	-	-	-	627.242.439	-	100,00	
3	Trường tiểu học La Văn Cầu, xã Đắk R'Măng; hạng mục: Nhà lớp học 06 phòng (02 tầng)	Ban QLDA & PTQD		3.500.000.000	518.579.000	-	-	-	518.579.000	-	518.579.000	516.327.000	-	-	-	516.327.000	-	516.327.000	518.579.000	99,57	100,00	
4	Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Đắk Glong; hạng mục: Khu lưu trữ, nhà mới của và thiết bị	Ban QLDA & PTQD		5.500.000.000	50.208.200	-	-	-	50.208.200	-	50.208.200	50.208.200	-	-	-	50.208.200	-	50.208.200	50.208.200	100,00	100,00	
5	Khởi phục các mốc ranh giới phân lô đất tái canh phục vụ công tác cấp GCNQSD đất đối với khu tái định canh xã Quảng Hòa sau khi thu hồi thực hiện công trình Thủy điện Buôn Tua Srah	Phòng Tài nguyên và Môi trường		1.755.358.000	1.100.000.000	-	-	-	1.100.000.000	-	1.100.000.000	-	-	-	-	-	-	1.100.000.000	-	100,00		
6	Xây mới cầu vào khu sản xuất thôn 6 xã Đắk R'Măng	UBND xã Đắk R'Măng		4.000.000.000	63.342.000	-	-	-	63.342.000	-	63.342.000	-	-	-	-	-	-	63.342.000	-	100,00		
7	Trường THCS Hoàng Văn Thụ, xã Quảng Sơn; hạng mục: Nhà lớp học 18 phòng (3 tầng) và thiết bị	Ban QLDA & PTQD		12.000.000.000	740.628.361	-	-	-	740.628.361	-	740.628.361	740.628.361	-	-	-	740.628.361	-	740.628.361	740.628.361	100,00	100,00	
8	Xây dựng bể bơi phục vụ công tác dạy và học tại Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, xã Đắk Sơn	Phòng GD&ĐT		300.000.000	300.000.000	-	-	-	300.000.000	-	300.000.000	-	-	-	-	-	-	300.000.000	-	100,00		
9	Trường tiểu học Kim Đồng, xã Quảng Khê; hạng mục: Nhà lớp học 18 phòng (3 tầng)	Ban QLDA và PTQD		14.800.000.000	5.000.000.000	-	-	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000	4.567.517.000	-	-	-	4.567.517.000	-	4.567.517.000	5.000.000.000	91,35	100,00	
10	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đắk Glong; hạng mục: Tường rào	Ban Chỉ huy Quân sự huyện		1.600.000.000	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	410.205.900	-	-	-	410.205.900	-	410.205.900	1.000.000.000	41,02	100,00	
11	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Quảng Hòa; Hạng mục: Nhà hội trường	Ban QLDA và PTQD		4.000.000.000	1.500.000.000	-	-	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.155.283.000	-	-	-	1.155.283.000	-	1.155.283.000	1.500.000.000	77,02	100,00	
II	NGUỒN TIỀN SỬ DÙNG ĐẤT			21.053.260.000	6.636.000.000	-	-	-	6.636.000.000	-	6.636.000.000	3.526.534.080	-	-	-	3.526.534.080	-	3.526.534.080	6.636.000.000	53,14	100,00	
a	Các khoản trích nộp theo quy định			-	3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00	100,00	
1	Trích 20% lập quỹ phát triển địa tỉnh			-	2.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000	100,00	100,00	
2	Trích 10% kp do đặc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy quyền SDD trên địa bàn theo quy định			-	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	100,00	100,00	

		Kế hoạch đầu tư công năm 2024										Ghi nhận kế hoạch đầu tư công năm 2024														
STT	Nội dung	Chức năng	Số quyết định	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tỷ lệ giải ngân đầu tư công năm 2024	Tỷ lệ giải ngân đầu tư công năm 2024	Ghi nhận				
						Kế hoạch vốn năm 2024					Kế hoạch vốn năm 2024					Kế hoạch vốn năm 2024										
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách DP	Kế hoạch vốn năm 2024	Ngân sách Trung ương	Ngân sách DP	Ngân sách Trung ương	Ngân sách DP	Ngân sách Trung ương	Ngân sách DP		Ngân sách Trung ương	Ngân sách DP	Ngân sách Trung ương	Ngân sách DP							
1	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	2468/QĐ-LHND	5.800.000.000	2.899.694.900	1.889.694.900	1.889.694.900	1.889.694.900	500.000.000	500.000.000	2.899.694.900	1.889.694.900	1.889.694.900	500.000.000	2.899.694.900	1.889.694.900	1.889.694.900	500.000.000	500.000.000	2.899.694.900	100,00	100,00				
2	Trở lại THCS Phạm Văn Thôn và xã	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	5.600.000.000	3.000.000.000	500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	100,00	100,00					
3	Trở lại THCS Phạm Văn Thôn và xã	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	7.120.000.000	5.000.000.000	3.100.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	-	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	38,00	100,00					
4	Trở lại THCS Phạm Văn Thôn và xã	Ban quản lý XA	2379/QĐ-LHND	8.000.000.000	3.320.000.000	-	3.320.000.000	1.820.000.000	1.820.000.000	1.500.000.000	2.840.482.764	2.840.482.764	1.648.692.764	1.200.890.000	3.320.000.000	1.648.692.764	1.200.890.000	3.320.000.000	1.200.890.000	85,93	100,00					
5	Trở lại THCS Phạm Văn Thôn và xã	Ban quản lý XA	2467/QĐ-LHND	5.500.000.000	2.100.000.000	600.000.000	600.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	71,43	100,00					
6	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	627/QĐ-LHND	5.600.000.000	4.400.000.000	2.100.000.000	2.300.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	700.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	550.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	2.300.000.000	52,34	100,00					
7	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	2.400.000.000	550.000.000	-	550.000.000	1.420.000.000	1.420.000.000	250.000.000	299.946.000	299.946.000	772.184.000	772.184.000	299.946.000	772.184.000	772.184.000	772.184.000	772.184.000	44,89	100,00					
8	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	2.400.000.000	1.720.000.000	300.000.000	1.420.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000	300.000.000	299.946.000	299.946.000	772.184.000	772.184.000	299.946.000	772.184.000	772.184.000	772.184.000	772.184.000	23,43	100,00					
9	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	2.400.000.000	1.720.000.000	300.000.000	1.420.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000	300.000.000	299.946.000	299.946.000	772.184.000	772.184.000	299.946.000	772.184.000	772.184.000	772.184.000	772.184.000	99,37	100,00					
10	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	1.720.000.000	1.280.000.000	990.000.000	290.000.000	200.000.000	200.000.000	1.313.878.700	1.313.878.700	1.313.878.700	190.329.000	1.313.878.700	190.329.000	1.313.878.700	1.313.878.700	1.313.878.700	1.313.878.700	69,41	100,00					
11	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	3.000.000.000	1.523.549.700	1.323.549.700	1.323.549.700	200.000.000	200.000.000	1.313.878.700	1.313.878.700	1.313.878.700	190.329.000	1.313.878.700	190.329.000	1.313.878.700	1.313.878.700	1.313.878.700	1.313.878.700	99,37	100,00					
12	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	3.244.000.000	1.642.459.800	742.459.800	742.459.800	990.000.000	600.000.000	300.000.000	1.642.459.800	742.459.800	742.459.800	300.000.000	1.642.459.800	742.459.800	300.000.000	1.642.459.800	300.000.000	100,00	100,00					
13	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	3.500.000.000	3.300.000.000	500.000.000	500.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	-	2.290.454.000	2.290.454.000	2.290.454.000	2.290.454.000	2.290.454.000	2.290.454.000	2.290.454.000	2.290.454.000	2.290.454.000	69,41	100,00					
14	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	2.000.000.000	1.700.000.000	500.000.000	500.000.000	1.200.000.000	1.000.000.000	200.000.000	652.499.600	652.499.600	652.499.600	652.499.600	652.499.600	652.499.600	652.499.600	652.499.600	652.499.600	38,39	100,00					
15	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	1.000.000.000	49.075.000	49.075.000	49.075.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	49,075	100,00					
16	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	3.800.000.000	2.669.996.000	1.669.996.000	1.669.996.000	400.000.000	400.000.000	2.069.996.000	1.669.996.000	1.669.996.000	400.000.000	1.669.996.000	400.000.000	1.669.996.000	400.000.000	1.669.996.000	400.000.000	2.069.996.000	100,00	100,00				
17	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	3.360.000.000	1.600.000.000	600.000.000	600.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	62,30	100,00					
18	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	2.000.000.000	1.286.659.400	486.659.400	486.659.400	800.000.000	600.000.000	200.000.000	1.286.659.400	486.659.400	486.659.400	200.000.000	1.286.659.400	486.659.400	200.000.000	1.286.659.400	200.000.000	1.286.659.400	100,00	100,00				
19	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	1.000.000.000	714.000.000	200.000.000	200.000.000	514.000.000	600.000.000	600.000.000	714.000.000	714.000.000	714.000.000	714.000.000	714.000.000	714.000.000	714.000.000	714.000.000	714.000.000	71,40	100,00					
20	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	1.000.000.000	800.000.000	200.000.000	200.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	80,00	100,00					
21	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	1.500.000.000	1.100.000.000	300.000.000	300.000.000	800.000.000	800.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00	100,00					
22	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	3.800.000.000	3.100.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.200.000.000	800.000.000	400.000.000	1.179.620.000	1.179.620.000	504.659.400	504.659.400	1.179.620.000	504.659.400	504.659.400	504.659.400	504.659.400	38,65	100,00					
23	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	2.000.000.000	1.600.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	600.000.000	600.000.000	600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	31,24	100,00					
24	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	4.848.000.000	2.810.724.778	2.310.724.778	2.310.724.778	500.000.000	500.000.000	2.310.724.778	2.310.724.778	2.310.724.778	1.810.560.710	1.810.560.710	2.310.724.778	1.810.560.710	1.810.560.710	1.810.560.710	1.810.560.710	2.810.724.778	82,21	100,00				
25	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	2.200.000.000	1.510.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000	49,57	100,00					
26	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	960.000.000	800.000.000	350.000.000	350.000.000	450.000.000	450.000.000	-	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	56,23	100,00					
27	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	1.400.000.000	1.120.000.000	720.000.000	720.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000	1.120.000.000	80,00	100,00					
28	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	6.000.000.000	2.210.233.000	710.233.000	710.233.000	1.500.000.000	500.000.000	1.000.000.000	891.118.000	891.118.000	391.118.000	391.118.000	2.210.233.000	891.118.000	391.118.000	2.210.233.000	391.118.000	40,32	100,00					
29	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	2.100.000.000	378.341.100	378.341.100	378.341.100	-	-	-	378.341.100	378.341.100	378.341.100	378.341.100	378.341.100	378.341.100	378.341.100	378.341.100	378.341.100	100,00	100,00					
30	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	2.200.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	1.600.000.000	400.000.000	400.000.000	163.347.000	163.347.000	-	163.347.000	163.347.000	163.347.000	163.347.000	163.347.000	163.347.000	8,16	100,00					
31	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	1.290.000.000	1.000.000.000	200.000.000	200.000.000	800.000.000	800.000.000	-	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000	80,00	100,00					
32	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	3.670.000.000	3.020.000.000	2.320.000.000	2.320.000.000	500.000.000	500.000.000	689.897.000	189.897.000	189.897.000	500.000.000	500.000.000	3.020.000.000	189.897.000	500.000.000	3.020.000.000	500.000.000	22,84	100,00					
33	Đường giao thông nông thôn và khu vực tại địa phương xã (từ ngày 3/4/2024)	Ban quản lý XA	277/QĐ-LHND	800.000.000	800.000.000	800.000.																				

Kế hoạch đầu tư công năm 2024																	
STT	Nội dung	Chức danh	Số quyết định: ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024	Trước đó			Tổng số kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang	Trước đó đến ngày 27/12/2024			Ước tính nguồn vốn bắt đầu năm 2024	Tỷ lệ giải phóng vốn năm 2024 %	Ước giao nâng bắt đầu năm 2024		
						Trước đó		Trước đó		Trước đó		Trước đó					
						Kế hoạch vốn năm 2023 chuyển sang năm 2024	Nguồn sách DP	Nguồn sách Trung yên		Nguồn sách DP	Nguồn sách Trung yên	Nguồn sách DP				Nguồn sách Trung yên	
a	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	Phòng Văn hóa và TT	2.384.000.000	893.118.547	6.118.547	587.000.000	218.000.000	586.056.968	1.000.000	-	1.000.000	585.056.968	367.056.968	218.000.000	593.118.547	98,81	190,00
b	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	320.000.000	242.000.000	-	242.000.000	92.000.000	242.000.000	-	-	-	242.000.000	150.000.000	92.000.000	242.000.000	100,00	100,00
c	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	350.000.000	189.000.000	-	189.000.000	63.000.000	189.000.000	-	-	-	189.000.000	63.000.000	126.000.000	189.000.000	100,00	100,00
d	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	320.000.000	655.550	655.550	-	-	-	-	-	-	-	-	-	655.550	-	100,00
e	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	350.000.000	3.218.967	3.218.967	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.218.967	-	100,00
f	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	314.000.000	244.030	244.030	-	-	-	-	-	-	-	-	-	244.030	-	100,00
g	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
h	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	327.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
i	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
j	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
k	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
l	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
m	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
n	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
o	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
p	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
q	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
r	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
s	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
t	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
u	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000	-	100,00
v	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Nhà văn hóa thôn ở xã Quảng Hòa	Phòng Văn hóa và TT	370.000.000	1.													

[illegible]

Phụ lục
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (Ngân sách phân cấp huyện quản lý)
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /12/2024 của UBND huyện Đắk Glong)

Đơn vị: Ngân đồng

STT	Danh mục dự án/địa điểm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư	TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 (NSDP, NSH)	Vốn đã bố trí, giải ngân đến hết năm 2024 (NSDP, NSH)	Số vốn còn thiếu	Dự kiến KHV năm 2025	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN					
	TỔNG CỘNG (A+B)				290.329.260	290.329.260	94.725.260	47.416.592	41.235.594	152.860.000	
A	NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				78.145.260	78.145.260	68.145.260	39.010.592	28.461.594	18.584.000	
I	BỐ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN				19.828.000	19.828.000	19.828.000	18.122.924	1.032.002	1.032.002	
1	Trụ sở Huyện ủy Đắk Glong; hạng mục: Kho lưu trữ tài liệu, kê chắn tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	Xã Quảng Khê	Huyện ủy Đắk Glong	3609/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	6.200.000	6.200.000	6.200.000	5.857.000	258.526	258.526	
2	Cải tạo, sửa chữa đường vào khu căn cứ chiến đấu mô phỏng chuẩn bị cho diễn tập phòng thủ năm 2022	Xã Quảng Sơn	Ban QLDA và PTQĐ	98/QĐ-UBND ngày 27/7/2022	1.300.000	1.300.000	1.300.000	1.300.000	33.844	33.844	
3	Trạm Y tế xã Đắk Som; hạng mục: Cải tạo sửa chữa Trạm Y tế, nhà vệ sinh	Xã Đắk Som	Ban QLDA và PTQĐ	2994/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	264.000	264.000	264.000	231.407	1.307	1.307	
4	Trạm Y tế xã Đắk R'Măng; hạng mục: Cải tạo sửa chữa Trạm Y tế, nhà vệ sinh, sân bê tông	Xã Đắk R'Măng	Ban QLDA và PTQĐ	2997/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	264.000	264.000	264.000	234.517	1.322	1.322	
5	Đường giao thông qua trung tâm chợ xã Quảng Sơn	Xã Quảng Sơn	UBND Xã Quảng Sơn	2252/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.000.000	298.426	298.426	
6	Sửa chữa Trụ sở làm việc Cơ quan Huyện ủy Đắk Glong	Xã Quảng Khê	Huyện ủy Đắk Glong	1423/QĐ-UBND ngày 24/6/2022	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.600.000	21.582	21.582	
7	Trường TH Nguyễn Trãi, xã Đắk Ha; Hạng mục: Nhà đa năng	Xã Đắk Ha	Ban QLDA và PTQĐ	3188/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.100.000	330.622	330.622	
8	Nhà văn hóa xã Đắk Som; hạng mục: Đường vào nhà văn hóa, hàng rào, sân bê tông, nhà vệ sinh và hệ thống cấp, thoát nước	Xã Đắk Som	Ban QLDA và PTQĐ	2632/QĐ-UBND ngày 02/11/2021	3.000.000	3.000.000	3.000.000	2.800.000	86.373	86.373	
II	BỐ TRÍ CHO CÁC CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP				58.317.260	58.317.260	48.317.260	20.887.668	27.429.592	17.551.998	
6	Trường PTDTBT tiểu học Vừ A Dính, xã Đắk Som; hạng mục: Nhà lớp học 18 phòng (3 tầng), thiết bị và hạ tầng kỹ thuật	Xã Đắk Som	Ban QLDA và PTQĐ	2708/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	14.950.000	14.950.000	4.950.000	2.031.425	2.918.575	1.000.000	
7	Trường tiểu học Kim Đồng, xã Quảng Khê; hạng mục: Nhà lớp học 18 phòng (3 tầng)	Xã Quảng Khê	Ban QLDA và PTQĐ	1578/QĐ-UBND ngày 18/6/2024	14.800.000	14.800.000	14.800.000	5.000.000	9.800.000	7.351.998	
8	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Đắk Glong; hạng mục: Tường rào	Xã Quảng Khê	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	1585/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.000.000	600.000	400.000	

STT	Danh mục dự án/địa điểm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư	TMĐT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 (NSDP, NSH)	Vốn đã bố trí, giải ngân đến hết năm 2024 (NSDP, NSH)	Số vốn còn thiếu	Dự kiến KHV năm 2025	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN					
9	Lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê	Phòng KTHT	1556/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	2.341.000	2.341.000	2.341.000	100.000	2.241.000	1.250.000	
10	Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn đến năm 2035	Xã Quảng Sơn	UBND xã Quảng Sơn	05/QĐ-UBND ngày 04/01/2024	546.569	546.569	546.569	200.000	346.569	300.000	
11	Quy hoạch chung xây dựng xã Đắk Ha đến năm 2035	Xã Đắk Ha	UBND xã Đắk Ha	21/QĐ-UBND ngày 10/01/2024	451.176	451.176	451.176	100.000	351.176	300.000	
12	Quy hoạch chung xây dựng xã Đắk Plao đến năm 2035	Xã Đắk Plao	UBND xã Đắk Plao	441/QĐ-UBND ngày 05/3/2024	328.515	328.515	328.515	100.000	228.515	200.000	
13	Quy hoạch chung xây dựng xã Đắk Som đến năm 2035	Xã Đắk Som	UBND xã Đắk Som		500.000	500.000	500.000	100.000	400.000	350.000	
14	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Quảng Hòa; Hạng mục; Nhà hội trường và thiết bị	Xã Quảng Hòa	Ban QLDA và PTQĐ	1577/QĐ-UBND ngày 18/6/2024	4.000.000	4.000.000	4.000.000	1.500.000	2.500.000	1.500.000	
15	Nâng cấp sân Trụ sở làm việc HĐND và UBND huyện	Xã Quảng Khê	Văn phòng HĐND và UBND	2798/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	800.000	800.000	800.000	500.000	300.000	200.000	
16	Nhà thi đấu và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thông huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê	Ban QLDA và PTQĐ	1197a/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	10.000.000	10.000.000	10.000.000	9.029.000	971.000	200.000	
17	Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông	Xã Quảng Khê	Ban QLDA và PTQĐ		4.000.000	4.000.000	4.000.000	600.000	3.400.000	2.200.000	
18	Nâng cấp, sửa chữa Quảng trường trung tâm huyện Đắk Glong	Xã Quảng Khê	Ban QLDA và PTQĐ		4.000.000	4.000.000	4.000.000	627.242	3.372.758	2.300.000	
B	NGUỒN TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				212.184.000	212.184.000	26.580.000	8.406.000	12.774.000	18.000.000	
I	Các khoản trích nộp theo quy định				5.400.000	5.400.000	5.400.000	-	-	5.400.000	
1	Trích 20% lập quỹ phát triển đất tỉnh				3.600.000	3.600.000	3.600.000	-		3.600.000	
2	Trích 10% kp đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy quyền SDD trên địa bàn theo quy định				1.800.000	1.800.000	1.800.000	-		1.800.000	
II	ĐỐI ỨNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG				206.784.000	206.784.000	21.180.000	8.406.000	12.774.000	9.288.000	
II.1	Đối ứng các nhiệm vụ năm 2025 được UBND tỉnh giao (Giao chi tiết tại Nghị quyết về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Nhà nước thực năm 2025 hiện các Chương trình MTQG)									2.588.000	
a	Đối ứng Chương trình MTQG xây dựng NTM									447.000	
b	Đối ứng Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững									975.000	
b1	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo									973.000	
b2	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững								-	2.000	

STT	Danh mục dự án/địa điểm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư	TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 (NSDP, NSH)	Vốn đã bố trí, giải ngân đến hết năm 2024 (NSDP, NSH)	Số vốn còn thiếu	Dự kiến KHV năm 2025	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN					
c	Đối ứng Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi									1.166.000	
c1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		UBND các xã							51.000	
c2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết									520.000	
c3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá									526.000	
c4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (Giao chi tiết tại Nghị quyết về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Nhà nước thực năm 2025 hiện các Chương trình MTQG)									69.000	
II.2	Đối ứng 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 còn thiếu				206.784.000	206.784.000	21.180.000	8.406.000	12.774.000	6.700.000	
a	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết				124.000.000	124.000.000	3.000.000	500.000	2.500.000	2.500.000	
1	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn, dân di cư tự do xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	Xã Quảng Hòa	Ban QLDA và PTQĐ	3149/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	56.000.000	56.000.000	1.500.000	500.000	1.000.000	1.000.000	
2	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn, dân di cư tự do xã Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	Xã Đắk R'Măng	Ban QLDA và PTQĐ	3154/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	68.000.000	68.000.000	1.500.000		1.500.000	1.500.000	
b	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc				82.784.000	82.784.000	18.180.000	7.906.000	10.274.000	4.200.000	
1	Đường giao thông nông thôn đi vào khu vực tái định canh của xã (từ ngã 3 nhà Ông Phạm Xuân Thắng đến nhà Ông Lương Bất Tuyên)	Xã Đắk Som	Ban quản lý Xã Đắk Som	2468/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	5.800.000	5.800.000	1.320.000	500.000	820.000	200.000	
2	Nối đường bê tông thôn 2 đến dốc 3 tầng vào khu sản xuất khu 400 ha	Xã Đắk Plao	Ban quản lý Xã Đắk Plao	2379/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	8.000.000	8.000.000	2.180.000	1.500.000	680.000	400.000	
3	Đường giao thông nối từ đường bê tông thôn 4 vào khu sản xuất thôn 4, xã Đắk Plao	Xã Đắk Plao	Ban quản lý Xã Đắk Plao	2897/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	5.600.000	5.600.000	1.520.000	1.000.000	520.000	200.000	
4	Đường giao thông nối từ đường bê tông thôn 3 vào khu sản xuất đến hồ thôn 5, xã Đắk Plao	Xã Đắk Plao	Ban quản lý Xã Đắk Plao	627/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	5.060.000	5.060.000	1.360.000	706.000	654.000	200.000	
5	Đường vào khu sản xuất thôn 5 cụm 2 đoạn từ nhà Hoàng Văn Sử đi vào	Xã Đắk R'Măng	Ban quản lý Xã Đắk R'Măng	2854/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	2.400.000	2.400.000	640.000	300.000	340.000	100.000	
6	Đường vào khu sản xuất thôn 5 (cụm 1), xã Đắk R'Măng	Xã Đắk R'Măng	Ban quản lý Xã Đắk R'Măng	396/QĐ-UBND ngày 20/02/2024	2.400.000	2.400.000	640.000	300.000	340.000	100.000	

STT	Danh mục dự án/địa điểm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư	TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 (NSDP, NSH)	Vốn đã bố trí, giải ngân đến hết năm 2024 (NSDP, NSH)	Số vốn còn thiếu	Dự kiến KHV năm 2025	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN					
7	Đường vào khu sản xuất thôn 3 (Quán mèo hoang đi vào)	Xã Đắk R'Măng	Ban quản lý Xã Đắk R'Măng	651/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	1.720.000	1.720.000	440.000		440.000	200.000	
8	Đường vào Nghĩa địa bon Nting	Xã Quảng Sơn	Ban quản lý Xã Quảng Sơn	2567/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.000.000	3.000.000	700.000	200.000	500.000	200.000	
9	Đường từ đập Ba Trong vào khu sản xuất bon N'ting	Xã Quảng Sơn	Ban quản lý Xã Quảng Sơn	2580/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.244.000	3.244.000	844.000	300.000	544.000	200.000	
10	Đường vào khu sản xuất thôn 4, xã Quảng Sơn	Xã Quảng Sơn	Ban quản lý Xã Quảng Sơn	626/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	2.000.000	2.000.000	456.000	200.000	256.000	100.000	
11	Đường sản xuất Thôn 8: khu vực Dốc Bình Long, xã Đắk Ha (điểm đầu nối Nghĩa địa Thôn 8)	Xã Đắk Ha	Ban quản lý Xã Đắk Ha	2562/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	3.800.000	3.800.000	900.000	400.000	500.000	200.000	
12	Đường vào khu sản xuất Thôn 4 xã Đắk Ha	Xã Đắk Ha	Ban quản lý Xã Đắk Ha	2561/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	2.000.000	2.000.000	400.000	200.000	200.000	-	
13	Đường vào khu sản xuất Thôn 7 xã Đắk Ha	Xã Đắk Ha	Ban quản lý Xã Đắk Ha	2570/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	2.000.000	2.000.000	400.000		400.000	200.000	
14	Đường sản xuất thôn 8: Điểm đầu nối đường đi xã Quảng Thành.	Xã Đắk Ha	Ban quản lý Xã Đắk Ha	565/QĐ-UBND ngày 20/3/2024	3.800.000	3.800.000	900.000	400.000	500.000	200.000	
15	Đường nội vùng thôn 12, xã Quảng Hòa (đoạn từ ngã 3 đường liên thôn 12 đi thôn 6 nhà ông Nguyễn Thành Quý đến nhà ông Nguyễn Quốc Việt)	Xã Quảng Hòa	Ban quản lý Xã Quảng Hòa	2855/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	2.200.000	2.200.000	440.000		440.000	200.000	
16	Đường nội vùng thôn 10, xã Quảng Hòa (đoạn từ nhà ông Anh đến nhà ông Phúc)	Xã Quảng Hòa	Ban quản lý Xã Quảng Hòa	379/QĐ-UBND ngày 02/2/2024	1.400.000	1.400.000	280.000		280.000	100.000	
17	Đường giao thông bon Phi Mư (đoạn dốc Đá Khi)	Xã Quảng Khê	Ban quản lý Xã Quảng Khê	2561/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	6.000.000	6.000.000	1.630.000	1.000.000	630.000	300.000	
18	Đường vào khu sản xuất thôn 9 đoạn qua trường Lê Đình Chính	Xã Quảng Khê	Ban quản lý Xã Quảng Khê	597/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	1.290.000	1.290.000	330.000	200.000	130.000		
19	Đường vào khu sản xuất Dâu tằm tơ thôn Quảng Long	Xã Quảng Khê	Ban quản lý Xã Quảng Khê	325/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	3.670.000	3.670.000	1.000.000		1.000.000	700.000	
20	Đường vào khu sản xuất bon Sa Ú Dru, xã Quảng Khê	Xã Quảng Khê	Ban quản lý Xã Quảng Khê	432/QĐ-UBND ngày 01/3/2024	2.200.000	2.200.000	600.000	400.000	200.000	100.000	
21	Cải tạo, nâng cấp Chợ Quảng Sơn	Xã Quảng Sơn	Ban quản lý Xã Quảng Sơn	3084/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	1.000.000	1.000.000	200.000		200.000	100.000	
22	Cải tạo, nâng cấp Chợ Đắk R'Măng	Xã Đắk R'Măng	Ban quản lý Xã Đắk R'Măng	3120/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.300.000	1.300.000	500.000	300.000	200.000	100.000	
23	Trường THCS Nguyễn Du; hạng mục nhà lớp học 12 phòng (2 tầng), thiết bị và hạ tầng kỹ thuật	Xã Quảng Khê	Ban QLDA và PTQĐ		12.900.000	12.900.000	500.000		500.000	100.000	Điều chỉnh từ ctr: Chợ Đắk Som
III	THÔNG BÁO SAU (Bồi thường GPMB)						-	-		3.312.000	

STT	Danh mục dự án/địa điểm xây dựng	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư	TMDT		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 (NSDP, NSH)	Vốn đã bố trí, giải ngân đến hết năm 2024 (NSDP, NSH)	Số vốn còn thiếu	Dự kiến KHV năm 2025	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN					
C	CHƯƠNG TRÌNH MTQG, NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (Giao chi tiết tại Nghị quyết về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Nhà nước thực năm 2025 hiện các Chương trình MTQG)								-	116.276.000	
1	Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới	Huyện Đắk Glong								1.373.000	Ngân sách Trương ương
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	Huyện Đắk Glong								34.692.000	Ngân sách Trương ương
3	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Huyện Đắk Glong								80.211.000	Ngân sách Trương ương 77.291 triệu đồng; ngân sách tỉnh 30 triệu đồng